

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày 23-3-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Tuấn Điệp

Ông Nguyễn Thành Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 138/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 2 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2020/HSST-QĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Xuân H, sinh năm 197X tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đường Đ, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Văn phòng đại diện Công ty A tại Hải Phòng; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Đại học; tiền án, tiền sự: Không; con ông Trần Gia N và bà Nguyễn Kim L; có vợ là Nguyễn Thị Minh T (đã ly thân) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 19/4/2019 đến ngày 26/4/2019 chuyển tạm giam; có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Ngô Văn T – Văn phòng Luật sư Đ, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt

- Bị hại: Công ty TNHH A; địa chỉ: Khu công nghiệp L, TP B, tỉnh Đ; vắng mặt

- Người làm chứng: Bà Bùi Thị L, bà Bùi Thị H, bà Lê Thị D và ông Bùi Duy T đều vắng mặt. Ông Trần Gia N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH A, địa chỉ: Khu công nghiệp L, TP B, tỉnh Đ có chi nhánh tại Hà Nội. Ngày 01/4/2003 Chi nhánh Công ty A tại Hà Nội bổ nhiệm Trần Xuân H làm Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty tại Hải Phòng; địa chỉ: số 559 Đà Nẵng, quận Hải An, Hải Phòng; có chức năng nhiệm vụ điều hành hoạt động kinh doanh của văn phòng, giao hàng cho các đại lý của Công ty tại Hải Phòng và thu tiền bán hàng chuyển về Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.

Ngày 26/4/2005, Chi nhánh Công ty tiến hành kiểm kê kho của Văn phòng đại diện công ty tại Hải Phòng thấy thiếu hụt 1.513 thùng sơn các loại, tổng trị giá 493.162.950 đồng. Tiến hành đối chiếu công nợ với các đại lý của Công ty tại Hải Phòng phát hiện Văn phòng đại diện công ty tại Hải Phòng thu tiền hàng của các đại lý nhưng không nộp về Chi nhánh Công ty số tiền 446.995.613 đồng. Tổng cộng tiền và hàng thiếu hụt là: 940.158.563 đồng.

- Về việc thiếu hụt 1.513 thùng sơn: Năm 2004 và đầu năm 2005 Trần Xuân H chỉ đạo cho Nguyễn Thị L- kế toán kiêm thủ kho Văn phòng Công ty tại Hải Phòng viết phiếu xuất kho bán số lượng sơn ở kho ra bên ngoài các công trình dân dụng, rồi gửi doanh số về cho các đại lý nhằm tăng doanh số bán hàng, qua đó được hưởng chiết khấu và được Công ty thưởng. H chỉ đạo Liều lập 02 hệ thống sổ theo dõi số lượng hàng xuất-tồn gồm cột số liệu báo cáo về công ty và cột số lượng hàng xuất-tồn thực tế, được lưu tại máy tính của Văn phòng. Việc bán hàng ra bên ngoài và thu tiền do Trần Xuân H tự thực hiện, Liều chỉ giúp H việc theo dõi số liệu.

- Về số tiền thu của các Đại lý nhưng không nộp về Chi nhánh công ty 446.995.613 đồng: Trong năm 2004 và 4 tháng đầu năm 2005 việc thu tiền hàng tại các đại lý do Trần Xuân H trực tiếp thu hoặc phân công cho các nhân viên Văn phòng công ty tại Hải Phòng thu. Việc thu tiền có viết phiếu thu và ký nhận vào sổ của Đại lý, hoặc chỉ ký nhận vào sổ của đại lý. Sau đó, người thu tiền chuyển tiền qua ngân hàng vào tài khoản của Chi nhánh công ty hoặc giao cho H theo yêu cầu của H. Hàng tháng, H đối chiếu công nợ với các đại lý để xác nhận việc thu tiền của các nhân viên. Sau khi Chi nhánh Công ty tại Hà Nội tiến hành đối chiếu công nợ trực tiếp với các đại lý, phát hiện các đại lý đã trả tiền hàng nhưng Văn phòng Hải Phòng không chuyển tiền về Chi nhánh như sau:

+ Đại lý Năm T ở 214 đường 5/1, Q, H, Hải Phòng: Văn phòng đại diện Hải Phòng đã thu của đại lý 203.502.353 đồng nhưng không nộp về Chi nhánh Công ty tại Hà Nội. Trong đó có 128.229.000 đồng là tiền mà H tự ý lấy sơn tại kho của Văn phòng tại Hải Phòng bán ra các công trình bên ngoài sau đó gửi doanh số về Đại lý N (số sơn này nằm trong 1.513 thùng sơn thiếu hụt nêu trên). Do vậy số tiền

này được khấu trừ vào tiền chênh lệch mà H đã thu của Đại lý N nhưng chưa nộp về Chi nhánh công ty là: 203.502.353 đồng - 128.229.000 đồng = 75.273.353 đồng.

+ Đại lý D ở T, T, H: Văn phòng Hải Phòng đã thu của Đại lý số tiền 119.600.000 đồng nhưng không nộp về Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.

+ Đại lý T ở T, L, H: Văn Phòng đại diện tại Hải Phòng đã thu 123.893.260 đồng nhưng không nộp về Chi nhánh. Hiện nay Đại lý T không còn hoạt động tại địa chỉ trên, chuyển đi đâu chính quyền địa phương không rõ.

Đối chiếu công nợ vào tháng 4/2005, Trần Xuân H thừa nhận thiếu hụt 1.513 thùng sơn và nhận trách nhiệm trả lại số tiền trên nhưng sau đó H bỏ trốn khỏi Việt Nam, sang Cộng hòa liên bang Nga. Đến ngày 15/3/2019, H về Việt Nam và ở tại nhà bố mẹ đẻ ở số 60/279 Đà Nẵng, Cầu Tre, Ngô Quyền, Hải Phòng, thì bị bắt theo Quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Xuân H khai việc thiếu hụt 1.513 thùng sơn do H bán cho các công trình bên ngoài và gửi doanh số vào đại lý, mục đích để tăng doanh số bán hàng nhưng chưa thu hồi được tiền hàng. Tuy nhiên H không cung cấp được tài liệu thể hiện việc công nợ trên. Về việc sử dụng khoản tiền thu từ các Đại lý nhưng không nộp về Chi nhánh Công ty tại Hà Nội, H khai sử dụng 90.000.000 đồng vào mục đích cá nhân để tiếp khách, mở rộng thị trường và cho bạn là Vũ Mạnh Hùng vay 300.000.000 đồng vào năm 2004. Trong thời gian ở Nga có liên lạc với anh Nguyễn Tiến D - Giám đốc Công ty Akzo Nobel Coatings Việt Nam Chi nhánh Miền Bắc để khắc phục hậu quả nhưng chưa xác định được nơi cư trú hiện tại của anh Dũng để xác minh lời khai này của H.

- Vật chứng, tài liệu thu giữ: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy Note 8 màu xanh đã qua sử dụng; 01 giấy thông hành số 0177614 mang tên Trần Xuân H, chuyển Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng chờ xử lý.

Về dân sự: Đại diện Công ty TNHH Akzo Nobel Coatings Việt Nam cung cấp hiện Công ty đã hủy toàn bộ chứng từ kế toán liên quan và không theo dõi khoản công nợ này, nhưng vẫn yêu cầu Trần Xuân H phải trả lại số tiền 940.158.563 đồng (theo kết quả kiểm kê kho và đối chiếu công nợ năm 2005).

- Tại bản Cáo trạng số 101/CT-VKS ngày 04/9/2019, VKSND thành phố Hải Phòng đã truy tố Trần Xuân H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Trần Xuân H đã tác động với gia đình nộp 50.000.000 đồng bồi thường cho Công ty TNHH Akzo Nobel Coatings Việt Nam.

- Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận một phần hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và có ý kiến: Bị cáo chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Nguyễn Tiến Dg - Giám đốc Công ty A nhánh Miền Bắc về việc bán sơn **cho các công trình bên ngoài** nhằm tăng doanh số, chi **phí** tiếp khách, mở rộng thị trường. Sau khi đối chiếu công nợ với Công ty bị cáo đã bỏ sang Nga tìm việc làm và bàn giao lại cho

anh D danh sách các chủ thầu **công trình** còn nợ tiền sơn. Sau khi sang đến Nga, bị cáo vẫn liên lạc với anh D và đôn đốc các chủ thầu trả tiền sơn cho Công ty; gửi tiền về cho bố bị cáo là ông Trần Gia N đưa cho anh D để khắc phục. Cuối năm 2017 anh D thông báo cho bị cáo biết việc Cơ quan đã ra quyết định khởi tố bị can và truy nã bị cáo, từ đó anh D cũng dần cắt đứt liên lạc vì sợ liên lụy. Do lo sợ bị bắt nên bị cáo không dám quay về Việt Nam, cùng lúc việc làm ăn gặp khó khăn nên cũng không có tiền gửi về trả tiếp cho Công ty.

- Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Không đủ căn cứ kết luận bị cáo có ý định chiếm đoạt 1.513 thùng sơn của bị hại, bị cáo khai đã trả được 493.162.950 đồng cho bị hại chưa được làm rõ do không lấy được lời khai anh Nguyễn Tiến D. Mặt khác, Công ty A không còn lưu giữ chứng từ liên quan đến số tiền bị cáo còn nợ. Do đó, Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố theo hướng áp dụng có lợi cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 175, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 3 năm 6 tháng đến 4 năm 6 tháng tù.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 268.766.613 đồng + số tiền 50.000.000 đồng gia đình bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự Hải Phòng; tạm giữ giấy thông hành và chiếc điện thoại Samsung Galaxy note 8 cũ của bị cáo để bảo đảm thi hành án.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên. Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng; bị cáo thực hiện các hành vi theo chỉ đạo của Nguyễn Tiến D, đề nghị Hội đồng xét xem xét nhân thân bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất mà Kiểm sát viên đã đề nghị; không buộc bị cáo phải bồi thường đối với số tiền 90.000.000 đồng đã chi tiếp khách, mở rộng thị trường theo chỉ đạo của Nguyễn Tiến D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh và khung hình phạt:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận tính đến ngày 10/5/2005 chưa thanh toán được cho bị hại số tiền 811.929.563 đồng, trong đó có 493.162.950 đồng là tiền bán sơn cho các công trình bên ngoài không qua đại lý chưa thu hồi được và 318.766.613 đồng là tiền các đại lý nộp về. Trước khi sang CHLB Nga bị cáo đã chuyển lại danh sách khách hàng còn nợ tiền sơn cho anh Nguyễn Tiến D - Giám đốc Công ty A tại miền Bắc (cấp trên trực tiếp của bị cáo) nhờ đòi nợ giúp, đồng thời gửi tiền về cho bố để đưa lại cho anh Dũng để trả nợ. Đến cuối năm 2017, bị cáo mới được biết Công an đã khởi tố bị can và ra quyết định truy nã bị cáo về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, cùng lúc việc làm ăn gặp khó khăn nên bị cáo không có tiền gửi về trả tiếp cho anh D. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bố để bị cáo là ông Trần Gia N, ngoài ra không có tài liệu chứng minh. Mối quan hệ phức tạp giữa anh Nguyễn Tiến D và bị cáo cũng chưa được làm rõ do không biết anh D ở đâu. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa chỉ đủ căn cứ kết luận bị cáo đã bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền 318.766.413 đồng, nên đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

[3] Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp trước thời điểm 0 giờ ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực); căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; việc xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” qui định tại Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 có lợi hơn Điều 140 BLHS năm 1999 cho bị cáo. Do đó, Viện kiểm sát nhân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 như trên là đúng người, đúng tội đúng qui định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Nhưng cũng xem xét cho các bị cáo hưởng lượng khoan hồng do có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, thái độ khai báo thành khẩn, đã tích cực bồi thường một phần tài sản cho bị hại; hậu quả tội phạm gây thiệt hại không lớn.

[5] *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo phạm tội không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là: *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* (điểm s); *tự nguyện bồi thường thiệt hại* (điểm b) do đã tác động với gia đình cố gắng bồi thường thiệt hại dù gia cảnh rất khó khăn. Ngoài ra bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ *gia đình đang thờ cúng chú ruột là liệt sĩ và có*

bố mẹ để được tặng huân huy chương trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước qui định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] *Về quyết định hình phạt:* Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội xuất phát từ động cơ muốn mở rộng thị trường, tăng nhanh doanh số bán hàng, nhưng do quản lý kém và thực hiện theo chỉ đạo sai của cấp trên nên đã gây thất thoát một số tiền lớn, sau đó bỏ trốn gây khó khăn cho việc xử lý vụ án. Tuy nhiên bị cáo đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả, được hưởng 4 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 2 tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Mặt khác, vụ án xảy ra đã lâu, phía bị hại không còn lưu giữ được tài liệu chứng minh các thiệt hại để làm căn cứ buộc tội bị cáo. Xét bị cáo trong suốt thời gian bỏ trốn đã tìm mọi cách khắc phục hậu quả nhưng do hoàn cảnh sống lưu vong, không nghề nghiệp nên không khắc phục đầy đủ thiệt hại. Do đó, có thể căn cứ Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo mức khởi điểm mà Kiểm sát viên đã đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo chiếm đoạt của bị hại 318.766.413 đồng, đã bồi thường 50.000.000 đồng nên còn phải bồi tiếp **268.766.613 đồng**. Quan điểm của người bào chữa cho rằng bị cáo đã sử dụng 90.000.000 đồng để tiếp khách, mở rộng thị trường nhưng không đủ căn cứ chứng minh nên không được chấp nhận. Đối với số tiền 493.162.550 đồng bị hại yêu cầu bồi thường cần xác minh, lấy lời khai anh Nguyễn Tiến D mới đủ căn cứ xử lý nên cần tách ra để giải quyết sau theo đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[9] *Về vật chứng:* Cần tạm giữ giấy thông hành và chiếc điện thoại Samsung Galaxy note 8 của bị cáo để bảo đảm thi hành án; số tiền 50.000.000 đồng bị cáo nộp cần giao lại cho bị hại.

[10] Đối với Nguyễn Thị L là kế toán kiêm thủ kho của Văn phòng đại diện công ty A, vi phạm có mức độ theo nên Cơ quan điều tra không xử lý hình sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[11] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo luật định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 175, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Xuân H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 19/4/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho Công ty TNHH A số tiền 268.766.413 đồng. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Công ty TNHH A được nhận số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp; tạm giữ giấy thông hành và điện thoại Samsung Galaxy note 8 của bị cáo để bảo đảm thi hành án (tiền và vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/11/2019 và Biên lai thu số 0004041 ngày 02/3/9 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 13.438.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Phòng KTNV và THA TAND TP. Hải Phòng;
- UBND xã (nơi BC cư trú);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Hạnh

